

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC TRỌNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 50/2021/DS-ST

Ngày: 28-5-2021

V/v: Tranh chấp về hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Huy Khoa
2. Bà Phạm Thị Hồng Khuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 321/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1941.

Trú tại: Số 3N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Phúc D**, sinh năm 1960.

Trú tại: Số A, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 24/7/2020, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Do quen biết, vào ngày 01/01/2012 bà có cho ông Phúc D vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay đi làm quặng, Giấy ghi nợ do ông Phúc D viết và ký tên; hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất

vay hai bên thỏa thuận 600.000 đồng/tháng. Ông D có thể chấp cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 298665 cấp ngày 05/02/29001 diện tích 22.875m<sup>2</sup> tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, sau đó do ông Phúc D có nhu cầu vay vốn tại Quỹ tín dụng L nên bà đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông D. Từ khi vay đến nay ông D không trả cho bà số tiền gốc và lãi theo hai bên thỏa thuận. Đến năm 2018 bà yêu cầu ông D trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi thì ông D trốn tránh và không liên lạc được. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Phúc D trả nợ gốc số tiền vay 30.000.000đ và yêu cầu trả lãi từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 28/5/2021 với lãi suất 0,75%/tháng là 25.747.500đ.

Bị đơn ông Phúc D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc; không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt và thông báo kết quả phiên họp cho ông Phúc D được biết. Do ông Phúc D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

*Việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều 28, 29, 39, 40 và 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh thu thập chứng cứ giao nhận chứng cứ đúng quy định từ Điều 93 và 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý và các văn bản liên quan cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng đồng thời tổng đạt cho các đương sự trong vụ án đúng quy định tại Điều 195, 196 và 197 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên vụ án có Quyết định tạm đình chỉ và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án nhưng Tòa án không gửi các Quyết định này cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc khởi kiện ông Phúc D ra trước Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng để trả nợ theo quy định của pháp luật dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phúc D có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản tại Giấy xác nhận mượn tiền với nội dung: “*Tôi tên Phúc D hiện cư ngụ tại Tổ B thôn F xã H Đ Lâm Đồng. Tôi có mượn số tiền của bà Nguyễn Thị T số 03 Khu phố 4 L Đ với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn)*”. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Xác định đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 7, thôn P (thôn F), xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và địa chỉ của bị đơn được ghi trong giao dịch là Tổ B thôn F xã H Đ Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Phúc D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phúc D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án, không thuộc trường hợp bất khả kháng. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Phúc D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Việc bà Nguyễn Thị T và ông Phúc D xác lập hợp đồng vay tài sản ngày 01/01/2012 có xảy ra trên thực tế. Theo Giấy xác nhận mượn tiền do ông Phúc D trực tiếp viết thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị T cho ông Phúc D vay số tiền 30.000.000đ, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ; nội dung về tiền lãi do bà T trực tiếp viết thỏa thuận số tiền lãi 600.000đ 1 tháng từ ngày 01/01/2012. Do hai bên thỏa thuận số tiền lãi 600.000đ/tháng đối với số nợ gốc 30.000.000đ tính thành mức lãi suất 24%/năm là không phù hợp với quy định về lãi suất tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định pháp luật của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

Xác định hợp đồng vay tài sản xác lập giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phúc D là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi. Việc thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bị đơn không trả tiền nợ gốc và tiền lãi nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2012. Còn bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án và không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và

các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định bị đơn chưa thanh toán khoản tiền nợ gốc 30.000.000đ cho nguyên đơn cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 30.000.000đ là phù hợp, đúng pháp luật.

Hai bên thỏa thuận về việc trả lãi nên yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 28/5/2021 là 9 năm 4 tháng 28 ngày với lãi suất 0,75%/tháng, cụ thể  $30.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 9 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 25.747.500đ$  là phù hợp với quy định về lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận yêu cầu về lãi của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi 25.747.500đ.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở khẳng định bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay nợ gốc còn thiếu 30.000.000đ tại Giấy xác nhận mượn tiền và lãi phát sinh nên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi 25.747.500đ tổng cộng  $30.000.000đ + 25.747.500đ = 55.747.500đ$  là phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Tại giấy xác nhận nội dung mượn tiền có ghi nội dung: “*Tôi có thể chấp 1 số quyền sử dụng đất số R 298665 đứng tên Phúc D đất tại Đức Trọng cấp....*” do ông D viết và ghi nội dung: “*TB trả sổ đỏ cho ông D rồi*” do bà T viết. Qua tài liệu, chứng cứ xác minh tại Quỹ tín dụng nhân dân L thì vào ngày 24/7/2012, Quỹ tín dụng có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất với ông D; tài sản thế chấp thửa đất số 107, 122, tờ bản đồ số 43 xã T, huyện Đ được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R298665 ngày 05/02/2001; được đăng ký thế chấp ngày 24/7/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đức Trọng. Hiện nay ông D vẫn đang thế chấp quyền sử dụng đất trên tại Quỹ tín dụng. Do bà T đã trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R298665 ngày 05/02/2001 và hiện nay ông D đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân L nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là:  $55.747.500đ \times 5\% = 1.287.375đ$  làm tròn 1.287.000đ. Ông Phúc D, sinh năm 1960 không có đơn đề nghị miễn án phí, không có văn bản thể hiện ý kiến về việc xin miễn án phí nên phải chịu số tiền 1.287.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Phúc D về việc kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông Phúc D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 55.747.500đ (*Năm mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), trong đó nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi 25.747.500đ.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/5/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**2.** Về án phí:

Buộc ông Phúc D phải chịu 1.287.000đ (*Một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.150.000đ (*Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2016/0013805 ngày 03/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phúc D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Hạnh**